

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành “Quy chế phối hợp kiểm tra chất lượng
sản phẩm, hàng hoá”**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2010.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

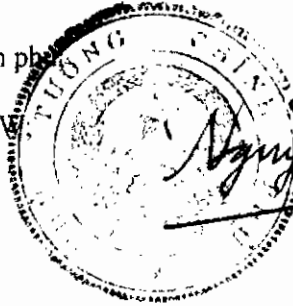
Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). 290

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Thiện Nhân

www.LuatVietnam.vn

QUY CHẾ

Phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa
(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg
ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hình thức, nội dung phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá (sau đây viết tắt là cơ quan kiểm tra) với nhau và với các cơ quan thanh tra chuyên ngành, công an, hải quan, quản lý thị trường trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp kiểm tra

1. Thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định cho mỗi cơ quan.

2. Xác định rõ cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp theo quy định:

a) Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chỉ định cơ quan kiểm tra thuộc Bộ và thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ biết để phối hợp;

b) Cơ quan kiểm tra thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương chủ động chủ trì tổ chức, thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo trách nhiệm được phân công quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá (sau đây viết tắt là Nghị định 132). Cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp kịp thời theo kế hoạch hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

3. Bảo đảm không chồng chéo trong hoạt động kiểm tra và không gây phiền hà cho cơ sở sản xuất, kinh doanh. Trường hợp có sự trùng lặp kế hoạch kiểm tra thì thực hiện như sau:

a) Kế hoạch kiểm tra của cơ quan cấp dưới trùng với kế hoạch kiểm tra của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo kế hoạch kiểm tra của cơ quan cấp trên;

b) Kế hoạch kiểm tra của cơ quan cùng cấp trùng nhau về địa bàn, cơ sở thì các bên trao đổi thống nhất thành lập đoàn liên ngành theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

4. Thực hiện theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật của mỗi cơ quan.

5. Cơ quan chủ trì phải thông báo bằng văn bản kết quả phối hợp kiểm tra cho cơ quan tham gia phối hợp.

6. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết thì phải báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền của cơ quan tham gia phối hợp xem xét, quyết định.

Điều 3. Hình thức phối hợp kiểm tra

1. Trao đổi thông tin bằng văn bản hoặc các hình thức có giá trị tương đương văn bản cho cơ quan liên quan về những nội dung sau đây:

a) Kết quả thực hiện các đề án, chương trình và kế hoạch kiểm tra của mỗi bên;

b) Sản phẩm, hàng hóa không đạt chất lượng, hàng giả;

c) Kết quả xử lý đối với trường hợp sản phẩm, hàng hóa không đạt chất lượng, hàng giả.

2. Tổ chức hội nghị, hội thảo.

3. Cử cán bộ tham gia hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

4. Thông báo, chuyển hồ sơ cho cơ quan khác có thẩm quyền để xử lý vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

5. Tổ chức kiểm tra liên ngành trong các trường hợp sau đây:

a) Đối tượng kiểm tra là nhiều loại sản phẩm, hàng hoá khác nhau mà các loại sản phẩm, hàng hoá đó thuộc trách nhiệm quản lý của nhiều ngành, lĩnh vực thì cơ quan kiểm tra thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức kiểm tra liên ngành giữa các cơ quan ở Trung ương; cơ quan kiểm tra thuộc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức kiểm tra liên ngành giữa các cơ quan ở địa phương;

b) Theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên;

c) Theo đề nghị của cơ quan kiểm tra thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương.

Điều 4. Nội dung kiểm tra

Cơ quan kiểm tra thực hiện kiểm tra theo các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 27 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Điều 5, Điều 12 Nghị định 132.

Điều 5. Phối hợp giữa các cơ quan Trung ương trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Trường hợp phải tổ chức kiểm tra liên ngành thì văn bản hướng dẫn của cơ quan chủ trì kiểm tra thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực phải được gửi cho các cơ quan có liên quan để phối hợp, chỉ đạo cơ quan thuộc hệ thống của mình trong việc phối hợp kiểm tra.

Cơ quan chủ trì tổ chức đoàn kiểm tra liên ngành phải xác định rõ nội dung kiểm tra, địa bàn kiểm tra, cơ quan phụ trách đoàn kiểm tra, cơ quan phối hợp.

2. Kết thúc đợt kiểm tra, định kỳ 6 tháng, hằng năm cơ quan kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc lĩnh vực quản lý được phân công để báo cáo Bộ chủ quản và Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Quan hệ giữa các cơ quan kiểm tra Trung ương với cơ quan kiểm tra địa phương trong hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Cơ quan kiểm tra Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ để cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện trực tiếp việc kiểm tra. Văn bản hướng dẫn của các cơ quan kiểm tra Trung ương gửi cơ quan kiểm tra thuộc ngành, lĩnh vực tương ứng tại địa phương và gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá tại địa phương.

2. Cơ quan kiểm tra Trung ương khi tổ chức kiểm tra trên địa bàn địa phương phải thông báo cho cơ quan kiểm tra thuộc ngành, lĩnh vực tương ứng của địa phương.

3. Cơ quan kiểm tra địa phương có trách nhiệm cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra, cung cấp thông tin, tạo điều kiện cần thiết và thực hiện kiến nghị của đoàn kiểm tra Trung ương.

4. Cơ quan kiểm tra địa phương chủ động thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo quy định hoặc kiểm tra theo sự chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Phối hợp giữa các cơ quan ở địa phương trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Cơ quan kiểm tra địa phương chủ động, chủ trì thực hiện các công việc sau đây:

a) Xác định đối tượng sản phẩm, hàng hoá thuộc lĩnh vực được phân công để đưa vào kế hoạch kiểm tra hoặc kế hoạch phối hợp kiểm tra với các cơ quan khác có liên quan;

b) Chủ trì tổ chức, thực hiện việc kiểm tra thường xuyên chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm và địa bàn được phân công; chủ trì, phối hợp với cơ quan khác có liên quan trong quá trình kiểm tra và xử lý kết quả kiểm tra; phối hợp với cơ quan khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình khi có yêu cầu;

c) Báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định.

2. Trường hợp kiểm tra liên ngành thì phải có sự trao đổi thống nhất giữa các cơ quan kiểm tra về nội dung kiểm tra, địa bàn kiểm tra, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

3. Khi có đề nghị của cơ quan chủ trì kiểm tra, cơ quan phối hợp kiểm tra hoặc tham gia xử lý phải có trách nhiệm cử cán bộ để tham gia kiểm tra, xử lý.

4. Kết thúc đợt kiểm tra, định kỳ 6 tháng, hằng năm cơ quan kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc lĩnh vực quản lý được phân công, báo cáo cơ quan chủ quản và Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương II **NỘI DUNG PHỐI HỢP KIỂM TRA**

Điều 8. Phối hợp trong việc xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch kiểm tra liên ngành

1. Cơ quan chủ trì xây dựng đề án, chương trình và kế hoạch kiểm tra liên ngành về chất lượng sản phẩm, hàng hoá phải lấy ý kiến của cơ quan có liên quan. Cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn yêu cầu.

2. Trước khi tổ chức triển khai thực hiện các đề án, chương trình và kế hoạch kiểm tra liên ngành, cơ quan chủ trì phải trao đổi, thống nhất với cơ quan có liên quan về cách thức và biện pháp tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 9. Phối hợp tổ chức kiểm tra liên ngành về chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Cơ quan chủ trì tổ chức kiểm tra liên ngành phối hợp với các cơ quan có liên quan cùng cấp phân công cơ quan phụ trách đoàn kiểm tra, địa bàn kiểm tra của các đoàn kiểm tra liên ngành.

Việc phân công phụ trách đoàn kiểm tra dựa trên cơ sở sản phẩm, hàng hoá chủ yếu phải kiểm tra thuộc lĩnh vực nào thì cơ quan kiểm tra thuộc lĩnh vực đó phụ trách đoàn kiểm tra.

2. Cơ quan phụ trách đoàn kiểm tra liên ngành có trách nhiệm cử Trưởng đoàn và Thư ký đoàn kiểm tra; Trưởng đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra và xử lý, tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra liên ngành cho cơ quan chủ trì tổ chức đợt kiểm tra, cơ quan chủ quản và các cơ quan tham gia.

3. Thành viên trong đoàn kiểm tra có trách nhiệm thực hiện kiểm tra theo sự phân công của Trưởng đoàn và chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn về kết quả kiểm tra, xử lý.

Điều 10. Phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất

1. Khi phát hiện hàng hoá lưu thông trên thị trường không bảo đảm các quy định về chất lượng, cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền, đồng thời thông báo cho cơ quan kiểm tra liên quan để xem xét việc kiểm tra trong sản xuất. Trường hợp hàng hóa đó được sản xuất tại địa phương khác hoặc thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực khác thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan kiểm tra tương ứng tại địa phương nơi sản xuất hàng hoá đó.

Khi nhận được thông báo, căn cứ vào yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 132, cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất theo sự phân công. Nội dung, trình tự, thủ tục kiểm tra, xử lý sản phẩm không bảo đảm chất lượng thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

2. Khi phát hiện sản phẩm không bảo đảm các quy định về chất lượng hoặc cơ sở sản xuất không hợp tác trong việc kiểm tra, cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan thanh tra chuyên ngành hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xử lý theo quy định.

3. Cơ quan quản lý thị trường có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan kiểm tra thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm tại cơ sở sản xuất. Trường hợp phát hiện sản phẩm, hàng hóa vi phạm pháp luật, hàng giả, cơ quan kiểm tra thông báo và gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý thị trường, cơ quan công an hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xử lý.

4. Cơ quan kiểm tra phải chịu trách nhiệm về nội dung thông báo và hồ sơ gửi cho các cơ quan quy định tại khoản 2 và khoản 3 của Điều này. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ để xử lý có trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo kết quả xử lý cho cơ quan kiểm tra đã gửi thông báo.

Điều 11. Phối hợp kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu

1. Cơ quan kiểm tra thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương chủ trì, phối hợp với cơ quan hải quan tổ chức thực hiện kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo phân công. Nội dung, trình tự, thủ tục kiểm tra và xử lý kết quả kiểm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

Cơ quan kiểm tra thông báo kết quả kiểm tra (hàng hoá nhập khẩu đáp ứng hoặc không đáp ứng yêu cầu chất lượng) cho cơ quan hải quan, cơ quan có liên quan, doanh nghiệp để xử lý tiếp theo.

2. Trường hợp kết quả thử nghiệm, giám định chất lượng khẳng định hàng hóa không phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, cơ quan kiểm tra báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền đồng thời thông báo các cơ quan liên quan phối hợp xử lý theo quy định sau đây:

a) Đối với hàng hoá bị buộc phải tái xuất hoặc tiêu huỷ thì cơ quan kiểm tra có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền quyết định tái xuất hoặc tiêu huỷ giám sát việc thực hiện quyết định đó;

b) Đối với hàng hoá bị buộc phải tái chế thì cơ quan kiểm tra chủ trì việc kiểm tra, chất lượng sản phẩm, hàng hoá sau tái chế và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết quả kiểm tra để ra thông báo cho cơ quan hải quan và cơ quan khác có liên quan.

3. Trường hợp hàng hoá nhập khẩu chưa có kết quả chứng nhận, giám định chất lượng thì việc thông quan hàng hoá nhập khẩu theo phương thức đăng ký trước, kiểm tra sau.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thủ tục thông quan hàng hoá nhập khẩu theo phương thức đăng ký trước, kiểm tra sau.

4. Khi phát hiện hàng hoá nhập khẩu lưu thông trên thị trường không bảo đảm chất lượng, cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền và có trách nhiệm thông báo cho cơ quan kiểm tra tương ứng tại địa phương nơi nhập khẩu tăng cường kiểm tra tại cửa khẩu hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định tạm dừng hoặc dừng việc nhập khẩu loại hàng hoá đó.

5. Hàng hoá xuất khẩu không bảo đảm chất lượng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ tiến hành kiểm tra trong sản xuất. Việc phối hợp kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

Điều 12. Phối hợp kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường

1. Cơ quan kiểm tra thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương chủ trì kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường và xử lý kết quả kiểm tra theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá. Khi phát hiện vi phạm cần xử lý vi phạm hành chính, cơ quan kiểm tra chuyển hồ sơ và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm thông báo cho cơ quan kiểm tra biết việc xử lý và kết quả xử lý để theo dõi.

Trong trường hợp người bán hàng không thực hiện các quy định của pháp

luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá, không hợp tác trong công tác kiểm tra hoặc có hành vi kinh doanh hàng giả thì cơ quan kiểm tra đề nghị cơ quan Công an, cơ quan Quản lý thị trường hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2. Cơ quan Quản lý thị trường phối hợp với các cơ quan kiểm tra thuộc các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương, các cơ quan có liên quan trong việc kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường khi có yêu cầu; chủ trì giám sát người bán hàng có hàng hoá vi phạm trong việc thực hiện quyết định của cơ quan kiểm tra, cơ quan khác có thẩm quyền đối với hàng hoá vi phạm chất lượng; xử lý các hành vi vi phạm quyết định đó.

3. Cơ quan kiểm tra phải chịu trách nhiệm về nội dung thông báo và hồ sơ gửi cho các cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức đánh giá hoạt động phối hợp

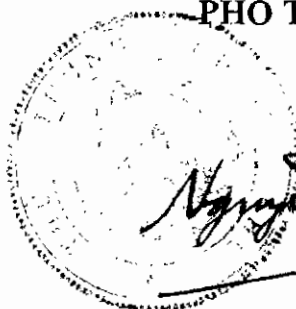
Hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương tổng kết, đánh giá hoạt động phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện Quy chế này nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan kiểm tra kiến nghị với cơ quan chủ quản và Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Thiện Nhân

Nguyễn Thiện Nhân